

(Dân trí) - Qua nhiều năm dạy môn Ngữ văn, thầy Trần Quang Đới - giáo viên Trường THPT Trần Phú (Độc Lập, Hà Tĩnh) không khỏi buồn lòng trước thực trạng thi sinh thường gặp những sai lầm “chết ngớ ngẩn” trong các bài thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH.

Trước thềm các kỳ thi năm nay, thầy Trần Quang Đới đã dành thời gian ngắn kết cho các bạn thí sinh những sai lầm trên, vui hy vọng giúp các bạn rút kinh nghiệm, làm bài tốt để đạt được kết quả tốt nhất trong bài làm của mình.

Đầu tiên đây là nội dung 7 sai lầm điển hình thầy Đới vạch ra:

1. Không đọc kỹ truyện, “điên nôm” bài thơ

Đôi khi những tác phẩm văn xuôi thường có yêu cầu phân tích nhân vật hay một vấn đề nào đó, thì là các sĩ tử tha hồ kể lể. Mặc dù yêu cầu của đề là cảm thụ, đánh giá chứ không phải là kể lể câu chuyện. Nhiều bài thi rất dài, nhưng không có ý, mà chủ yếu là thí sinh khoe trí nhớ của mình, kể lể chuyện, thậm chí còn thêm thắt, chèn ghép khác gì “tra tấn” giám khảo.

Đề yêu cầu phân tích giá trị nhân đạo của truyện ngắn “Chí Phèo” thì thí sinh hầu như đều đi n cuội bài vanh vách kể lể chi tiết truyện, thậm chí còn trích tài liệu học thuộc trích luôn một vài câu nguyên văn mà chẳng có ý nghĩa gì. Cũng vậy, đề yêu cầu phân tích tình huống truyện của “Vợ nhặt” thì thí sinh nhón nhả kể lể luôn câu chuyện.

Thầy giáo Trần Quang Đới sinh năm 1977, quê Hà Tĩnh, tốt nghiệp Trường ĐH Sư phạm Vinh năm 1999

Trong nhiều năm qua, thầy Đới đã có nhiều công trình khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh. Ông

Thầy cũng là công tác viên thông tin xuyên cửa chuyên mục Di sản dân trí (báo điện tử Dân trí).

Trí tuệ thật là đáng ghi nhận, song yêu cầu của người ra đề là muốn kiểm tra xem thí sinh hiểu câu chuyện như thế nào, trình bày rõ ràng vấn đề và nêu được câu chuyện ấy, chứ không phải là kể lại câu chuyện một cách chán ngắt. Các chi tiết cần được nêu ra một cách thông minh, để làm sáng tỏ luận điểm.

Đôi khi tác phẩm thì không ít thí sinh sa vào “di sản” là ý nghĩa của những câu thơ. Tuy nhiên phải có nghĩa, giải thích để hiểu rõ thêm, để thấy được những đặc sắc riêng của câu thơ, bài thơ, nhưng không có nghĩa là thí sinh chỉ viết di sản là ý nghĩa bài thơ. Câu “Câu thơ này cho thấy, đoạn thơ này nói lên, bài thơ này nghĩa là...” đã trở thành “công thức” trong bài làm của không ít sĩ tử. Bài thơ văn hay, qua tài “chế biến” của “sĩ tử” bỗng trở nên nhàm chán, sáo nhảm.

2. Vấn đề thao tác so sánh bất hợp lý

Nhiều thí sinh khi làm bài đã vấn đề thao tác so sánh. Đây là những pháp số để hiểu quí giá của những biệt xử lí phù hợp. So sánh khi nào cho vấn đề được mở rộng, thú vị hơn, chứ không ngược lại viết có kiến thức, tư duy. Ví dụ khi phân tích về bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng thì so sánh, liên hệ với bài thơ “Động chí” của Chính Hữu, hai bài thơ cùng viết về những chiến sĩ Việt quí thời kì đầu của kháng chiến chống Pháp. Họ có thể so sánh nhân vật Chí Phèo với các nhân vật như Dế, lão Hạc...

Tuy nhiên, không ít thí sinh trong khi so sánh đã rơi vào tình trạng “viết nhà thì nhắc, viết chú bác thì siêng”, nghĩa là sa đà vào phân tích nội dung liên hệ, mở rộng, mà lại là phần nội dung chính của bài làm. Họ hiểu quí là bài tuy có vẻ bay bổng, “uyên bác”, song vì vấn đề chính của đề bài trình bày để ý để, sâu sắc, nên kết quả vẫn không cao.

3. Gọi tên nhân vật không phù hợp

Nhiều sĩ tử vẫn hoàn nhiên gọi nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao là “hàn”. Có lẽ nên gọi nhân vật ngắn gọn là “vợ nhót” trong truyện “Vợ nhót” của Kim Lân hay nhân vật Thôn Nở trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao là “thôn”. Các biện pháp đúng, vì chính tác giả cũng viết như thế. Song chắc nhà văn có thói quen gọi tên nhân vật như vậy, xuất phát từ phong cách hài hước, và có ý đồ nghệ thuật riêng. Còn nếu sĩ tử cũng gọi như vậy, thì vô hình trung đã mắc lỗi thi u lạch sạch; hoá ra sĩ tử coi thói quen nhân vật? Nên gọi một cách lạch sạch, khách quan là nhân vật, hay ngắn gọn là phôi, ngắn gọn hơn nữa, hoặc chỉ gọi tên nhân vật (Chí Phèo)...

Đúng thôi, một số sĩ tử nhầm lẫn giữa nhà thơ với nhân vật trữ tình nên viết “Vợ với nhân dân, Chị Lan Viên vô cùng hạnh phúc, xúc động” (câu mệnh đề trong bài thơ “Tiếng hát con tàu” của Chị Lan Viên), “Hàn Mặc Tử ngơ ngàng trước cái đẹp của Vợ D”... Đó là cách nói không chính xác, không thể gọi tên tác giả, mà phải nói là “nhân vật trữ tình”.

Cách gọi tên các nhân vật trong tác phẩm đòi hỏi sự tinh tế, lạch lạch của ngắn gọn, mà các giáo viên cần hướng dẫn học sinh xuyên trong các bài giảng. Do khuôn khổ bài viết nên không thể nói hết được, nói chung nên chú ý nguyên tắc khách quan, có văn hoá.

4. Thích giáo huấn, sỗ t m

Kết thúc bài phân tích về “Rừng xà nu”, một thí sinh đã “tích hợp” luôn một bài học về lòng yêu nước, lí tưởng của thanh niên ngày nay. Một thí sinh sau phần nêu cảm nhận về bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh cũng “lên lớp” giám khảo một bài học về sự trong sáng, chung thủy của tình yêu, nhất là trong thời đại kinh tế thị trường có nhiều tiêu cực, thối nát xã hội. Đành rằng đúng xong tác phẩm, mọi người sẽ rút ra được những kinh nghiệm, bài học riêng, song không nhất thiết phải thi hiên “lớp trường tư tưởng” trong bài văn.

Không ít thí sinh lại thiên về xu hướng “sỗ t” với các từ “Ôi, Than ôi, Biết mấy...” xuất hiện với tần suất khá cao trong bài. Khi yêu cầu bình luận về một câu danh ngôn về tình bạn, thí sinh viết “Các bạn ơi, tình bạn là thiêng liêng, cao quý lắm!”. Xin thưa, bài văn nghệ luận là văn bản thu hẹp phong cách khoa học, cần chú trọng yêu cầu chính xác, khách quan, có bằng chứng xác đáng, lôgic. Những viết (thí sinh) và ngắn gọn (giám khảo) là bình đẳng. Vì vậy, viết “các bạn ơi”, “các bạn”, “các bạn biết không” hay “kính thưa thầy cô”... đều không phù hợp. Và không phải là thêm vào một từ “Ôi, biết bao, biết mấy”... là bài văn có cảm xúc, hay hấp dẫn hơn.

Giám khảo sẽ dễ dàng phân biệt cảm xúc, tình cảm thật hay là tình cảm có tính chất “hô hào” của thí sinh.

5. Chọn nhóm đối tượng của bài nghị luận xã hội

Từ năm 2009 trong đề thi Ngữ văn có câu nghị luận xã hội (30% số điểm). Đa số thí sinh mất nhiều điểm ở câu nghị luận xã hội này, bởi vì chọn sai đối tượng của bài làm.

Bài nghị luận xã hội có hai dạng: Nghị luận (bàn bạc) về một tư tưởng, đạo lý, nghĩa là trao đổi, thảo luận về một ý kiến, một quan điểm. Ví dụ: Suy nghĩ về quan điểm “Nhật tinh, nhật thân vinh” hay “Học thầy không tày học bạn” hoặc “Hạnh phúc là đấu tranh”... Dạng thứ hai là nghị luận về một hiện tượng đời sống, yêu cầu người viết trình bày nhận thức, quan điểm về những hiện tượng đáng lưu ý, “có vấn đề” trong đời sống. Ví dụ suy nghĩ về hiện tượng học sinh nạt đánh nhau; suy nghĩ về hiện tượng nghiện internet hoặc học ngoài không trường Việt Nam làm việc; về hiện tượng nạn nhân xã hội trong gia đình ...

Dạng thứ nhất (Nghị luận về tư tưởng, đạo lý) cấu trúc bài làm luôn có ba phần:

- Giới thích, nêu vấn đề cần nghị luận
- Bàn luận: Ý nghĩa, một đúng, một tích cực; một tiêu cực, cần bổ sung...
- Bài học nhận thức và hành động: Nên suy nghĩ thế nào, hành động ra sao, liên hệ bản thân.

Dạng thứ hai (nghị luận về hiện tượng đời sống) cấu trúc cũng có ba phần:

- Nêu ý nghĩa của hiện tượng: Hiện tượng đó phản ánh điều gì, xu hướng gì.

- Giữ thích nguyên nhân hiện tượng.

- Đưa xuất giải pháp, phương hướng hoặc cách giải quyết.

Nhiều thí sinh mất điểm vì viết lan man, bài dài nhưng không có ý. Nội dung trình bày đúng cấu trúc như trên, bố cục suy nghĩ không chặt chẽ, và dẫn dắt điểm cao. Bài nghị luận xã hội nghị luận văn học có quy trình bày quan điểm, tư tưởng, kinh nghiệm sống riêng, song đưa thuyết phục để chứng minh thì bài văn bao giờ cũng phải đi theo một mạch duy sáng rõ, mạch lạc.

Xin “bổ trợ” thêm, muốn làm tốt kỹ thuật bài nghị luận xã hội, thí sinh nên quan tâm đến những vấn đề xã hội, những quan niệm và lý tưởng, hạnh phúc, tình yêu, tình bạn... và tạo cơ hội tranh luận, “vấn vấn” đúng sai, giữ thích nguyên nhân, nêu quan điểm, giải pháp. Luôn luôn rèn luyện khả năng nhận thức vấn đề nhanh, tranh biện sắc sảo, thuyết phục.

6. Mở bài chặt chẽ, mở lung

Nhiều thí sinh cảm thấy khó khăn khi viết mở bài. Nhiều bạn muốn có một mở bài “hoàn chỉnh” theo kỹ thuật mở bài gián tiếp, nhưng tốn nhiều thời gian mà kết quả lại không như ý. Mở bài gián tiếp nếu thành công sẽ tạo ấn tượng tốt với giám khảo, và đem lại chỗ viết cho bài. Tuy nhiên nếu viết non tay thì sẽ bị phần tác động, rơi vào lan man. Mà nếu mở bài hay nhưng thân bài dở thì cũng chẳng ích gì.

Tốt nhất là nên mở bài trực tiếp, giữ thích luận điểm và tác giả, tác phẩm, vấn đề theo kỹ thuật “mở cửa thị trường” (khai môn kiến thức). Mở bài có hay đến mấy cũng chỉ được tối đa 0,5 điểm, nên cần chú trọng đến “nội dung” vào phần thân bài.

7. “Bổ trợ”, khéo léo, nói mãi”

Những lỗi không đáng có này năm nào cũng có ngườ i nh ư c nh ư , nh ư ng nhi ư u thí sinh v ư n không chú ý kh ư c ph ư c. Đó là vi ư t ch ư quá nh ư , nét quá m ư . Nhi ư u thí sinh không xu ư ng hàng, c ư bài ch ư m ư t đ ư n v ư n, làm giám kh ư o “theo” đ ư c đ ư t c ư h ư i. Bài văn ngh ư lu ư n bao g ư m nhi ư u ý (lu ư n đ ư m), m ư i ý nh ư v ư y nên tách thành m ư t đ ư n v ư n, v ư a lôgic, v ư a đ ư theo dõi.

Có thí sinh khi trích đ ư n câu th ư , đ ư n th ư , hay câu văn l ư i vi ư t m ư t hai ch ư r ư i thêm đ ư u ba ch ư m, coi nh ư giám kh ư o đã bi ư t r ư i, ho ư c c ư u th ư đ ư n m ư c trích đ ư n sai. Nhi ư u b ư n l ư i không ch ư a l ư , bài v ư a nhìn r ư m rà mà không có ch ư cho giám kh ư o cho đ ư m chi ti ư t. Nh ư ng vi ư c “ti ư t ki ư m” nh ư th ư không đ ư c giám kh ư o hoan ngh ư nh, và dĩ nhiên là sĩ t ư s ư thi ư t th ư i.

Còn n ư u sĩ t ư nào v ư n m ư c l ư i ki ư u “ch ư a s ư ch n ư c c ư n” nh ư sai chính t ư , ng ư pháp, l ư c đ ư , ch ư nh ư gà b ư i... thì thi r ư t là cái ch ư c.

V.D. ghi